

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 08/2006/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 8 tháng 02 năm 2006

BỘ THƯƠNG MẠI
CÔNG. VĂN. ĐẾN

NGÀY 15-02-2006

SER 576

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 977/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử quy định tại Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/07/2003, đã được sửa đổi tại Quyết định số

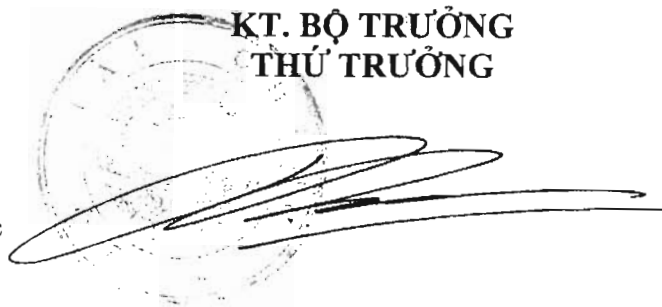
15/2005/QĐ-BTC ngày 17/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo./4C

Nơi nhận: /z

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố, liên tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

PHỤ LỤC I

DANH MỤC SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT CỦA MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG PHỤ TÙNG, LINH KIỆN ĐIỆN TỬ TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI (BIỂU SỐ I)

Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2006/QĐ-BTC ngày 8/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
(1)			(2)	(3)
7011			Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hờ và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện, ống đèn tia âm cực hoặc các loại tương tự	
7011	10		- Dùng cho đèn điện:	
7011	10	10	- - Trụ (stem) giữ dây tóc bóng đèn	5
7011	10	90	- - Loại khác	30
7011	20		- Dùng cho ống đèn tia âm cực:	
7011	20	10	- - Ống đèn hình vô tuyến	0
7011	20	90	- - Loại khác	0
7011	90		- Loại khác:	
7011	90	10	- - Ống đèn hình vô tuyến	0
7011	90	90	- - Loại khác	30
8504			Biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ: bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm	
8504	10	00	- Chấn lưu dùng cho đèn phóng hoặc ống phóng	15
			- Máy biến thế điện môi lỏng:	
8504	21		- - Có công suất sử dụng không quá 650kVA:	
8504	21	10	- - - Bộ ổn định điện áp từng nấc, máy biến áp đo lường có công suất sử dụng không quá 5kVA	30
			- - - Loại khác :	
8504	21	91	- - - - Có công suất sử dụng trên 10 kVA	30
8504	21	99	- - - - Loại khác	30
8504	22		- - Có công suất sử dụng trên 650 kVA nhưng không quá 10.000 kVA:	
			- - - Bộ ổn định điện áp từng nấc:	
8504	22	11	- - - - Có điện áp tối đa từ 66.000V trở lên	30
8504	22	19	- - - - Loại khác	30

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8504	22	90	- - - Loại khác	30
8504	23		- - Có công suất sử dụng trên 10.000 kVA:	
8504	23	10	- - - Có công suất sử dụng không quá 15.000 kVA	5
8504	23	20	- - - Có công suất sử dụng trên 15.000 kVA	5
			- Máy biến thể khác :	
8504	31		- - Có công suất sử dụng không quá 1kVA:	
8504	31	10	- - - Máy biến điện thế đo lường	30
8504	31	20	- - - Máy biến dòng đo lường	30
8504	31	30	- - - Máy biến áp quét về (flyback transformer)	3
8504	31	40	- - - Máy biến áp trung tần	30
8504	31	50	- - - Máy biến thế tăng/giảm điện áp (step up/down transformers), biến áp trượt và bộ ổn định điện áp	30
8504	31	90	- - - Loại khác	30*
8504	32		- - Công suất sử dụng trên 1kVA nhưng không quá 16kVA:	
8504	32	10	- - - Máy biến áp đo lường, (máy biến điện thế và máy biến dòng) loại công suất sử dụng không quá 5kVA	30*
8504	32	20	- - - Sử dụng cho đồ chơi, mô hình thu nhỏ hoặc các mô hình giải trí tương tự	30
8504	32	30	- - - Loại khác, tần số cao	0
			- - - Loại khác:	
8504	32	91	- - - - Có công suất sử dụng không quá 10kVA	30*
8504	32	99	- - - - Có công suất sử dụng trên 10kVA	30*
8504	33		- - Có công suất sử dụng trên 16kVA nhưng không quá 500 kVA:	
8504	33	10	- - - Có điện áp tối đa từ 66.000V trở lên	30*
8504	33	90	- - - Loại khác	30*
8504	34		- - Có công suất sử dụng trên 500kVA:	
			- - - Có công suất sử dụng không quá 15.000kVA:	
8504	34	11	- - - - Có công suất trên 10.000kVA hoặc có điện áp sử dụng từ 66.000V trở lên	30
8504	34	19	- - - - Loại khác	30
8504	34	20	- - - Công suất sử dụng trên 15.000kVA	30
8504	40		- Máy biến đổi điện tĩnh:	
			- - Máy biến đổi điện tĩnh dùng cho các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và máy phụ trợ của chúng, thiết bị viễn thông: [ITA1/A-024]	
8504	40	11	- - - Bộ nguồn cấp điện liên tục UPS	5

✓

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8504	40	19	- - - Loại khác	0
8504	40	20	- - Máy nạp ắc quy, pin có công suất danh định trên 100kVA	0
8504	40	30	- - Bộ chỉnh lưu khác	0
8504	40	40	- - Bộ nghịch lưu khác	0
8504	40	90	- - Loại khác	0
8504	50		- Cuộn cảm khác:	
			- - Có công suất sử dụng trên 2.500kVA đến 10.000kVA:	
8504	50	11	- - - Cuộn cảm dùng cho bộ nguồn cấp điện của các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và máy phụ trợ của chúng, thiết bị viễn thông [ITA1/A-025]	0
8504	50	12	- - - Cuộn cảm cố định kiểu chip khác [other chip type fixed inductors] [ITA/2]	0
8504	50	19	- - - Loại khác	0
			- - Có công suất sử dụng trên 10.000KVA:	
8504	50	21	- - - Cuộn cảm dùng cho bộ nguồn cấp điện của các thiết bị xử lý dữ liệu tự động và máy phụ trợ của chúng, và thiết bị viễn thông	0
8504	50	22	- - - Cuộn cảm cố định kiểu chip khác [other chip type fixed inductors]	0
8504	50	29	- - - Loại khác	0
			- - Loại khác:	
8504	50	91	- - - Cuộn cảm cố định kiểu chip [ITA/2]	0
8504	50	99	- - - Loại khác	0
8504	90		- Các bộ phận:	
8504	90	10	- - Cửa hàng hoá thuộc mã số 8504.10.00	5
8504	90	20	- - Tấm mạch in đã lắp ráp (PCA) dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8504.40.11, 8504.40.19 hoặc 8504.50.11[ITA1/B-199]	0
8504	90	30	- - Dùng cho biến thể điện có công suất không quá 10.000kVA	5
8504	90	40	- - Dùng cho biến thể điện có công suất trên 10.000kVA	0
8504	90	50	- - Loại khác, dùng cho cuộn cảm có công suất không quá 2.500kVA	0
8504	90	60	- - Loại khác, dùng cho cuộn cảm có công suất trên 2.500kVA	0
8504	90	90	- - Loại khác	0

Vg

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8518			Micro và giá đỡ micro; loa đã hoặc chưa lắp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung choàng đầu và tai nghe không có khung choàng đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; bộ khuếch đại âm tần; bộ tăng âm	
8518	10		- Micro và giá micro:	
			- - Micro:	
8518	10	11	- - - Micro có dải tần số từ 300Hz đến 3,4 kHz, đường kính không quá 10mm, độ cao không quá 3mm, dùng trong viễn thông [ITA1/A-034]	20
8518	10	19	- - - Micro loại khác, đã hoặc chưa lắp cùng với giá micro	20
8518	10	90	- - Loại khác	20
			- <i>Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa :</i>	
8518	21	00	- - Loa đơn, đã lắp vào hộp loa	10
8518	22	00	- - Loa chùm, đã lắp vào cùng một thùng loa	10
8518	29		- - Loa loại khác:	
8518	29	10	- - - Loa thùng	10
8518	29	20	- - - Loa, không có hộp, có dải tần số 300Hz đến 3,4 kHz, có đường kính không quá 50mm, sử dụng trong viễn thông [ITA1/A-036]	10
8518	29	90	- - - Loại khác	10
8518	30		- Tai nghe có khung choàng đầu và tai nghe không có khung choàng đầu, có hoặc không nối với một micro, và các bộ gồm một micro và một hoặc nhiều loa :	
8518	30	10	- - Tai nghe có khung choàng đầu	20
8518	30	20	- - Tai nghe không có khung choàng đầu	20
8518	30	30	- - Bộ micro/loa kết hợp	20
8518	30	40	- - Dùng cho điện thoại hữu tuyến cầm tay (for line telephone handsets) [ITA1/A-035]	20
8518	30	90	- - Loại khác	20
8518	40		- Bộ khuếch đại âm tần:	
8518	40	10	- - Bộ khuếch đại âm tần, có 6 hoặc nhiều hơn đường tín hiệu vào, kết hợp hoặc không kết hợp với linh kiện dùng cho bộ khuếch đại công suất	10
8518	40	20	- - Bộ khuếch đại được sử dụng như một bộ lắp trong điện thoại hữu tuyến theo Hiệp định công nghệ thông tin (ITA) [ITA1/B-192]	20

Ve

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8518	40	30	- - Bộ khuếch đại âm tần được sử dụng như một bộ lắp trong điện thoại trừ điện thoại hữu tuyến [ITA/2]	10
8518	40	90	- - Loại khác	30
8518	50		- Bộ tăng âm điện:	
8518	50	10	- - Công suất 240W trở lên	10
8518	50	20	- - Bộ tăng âm đi cùng với loa dùng cho phát thanh, có điện áp từ 50V đến 100V	10
8518	50	90	- - Loại khác	30
8518	90		- Các bộ phận:	
8518	90	10	- - Bộ phận kể cả tấm mạch in đã lắp ráp (PCAs), dùng cho hàng hoá thuộc mã số 8518.10.11, 8518.29.20, 8518.30.40, 8518.40.20 [ITA1/B-192][ITA1/B-199]	10
8518	90	20	- - Bộ phận của hàng hoá thuộc mã số 8518.40.10, 8518.50.10 và 8518.50.20	0
8518	90	90	- - Loại khác	10
8522			Bộ phận và phụ tùng chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho các thiết bị thuộc các nhóm từ 8519 đến 8521	
8522	10		- Đầu đọc:	
8522	10	10	- - Loại chuyên dùng trong điện ảnh, truyền hình, phát thanh	0
8522	10	90	- - Loại khác	0
8522	90		- Loại khác:	
8522	90	10	- - Tấm mạch in đã lắp ráp (PCAs) dùng cho máy ghi, tái tạo âm thanh dùng trong truyền hình, phát thanh và điện ảnh	5
8522	90	20	- - Tấm mạch in đã lắp ráp dùng cho máy trả lời điện thoại	10
8522	90	30	- - Tấm mạch in đã lắp ráp khác	3
8522	90	40	- - Mâm ghi băng video hoặc audio; cơ cấu đĩa compact	0
8522	90	50	- - Đầu đọc hình hoặc tiếng, dạng đầu từ; đầu hoặc thanh xóa từ	0
			- - Loại khác:	
8522	90	91	- - - Các bộ phận, phụ tùng khác của máy ghi và tái tạo âm thanh dùng trong truyền hình, phát thanh và điện ảnh	5
8522	90	92	- - - Bộ phận khác của máy trả lời điện thoại	10

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8522	90	93	--- Bộ phận và phụ tùng khác của hàng hóa thuộc phân nhóm 8519.92, 8519.93, 8519.99 và nhóm 8520 (trừ máy trả lời điện thoại) hoặc nhóm 8521	3
8522	90	99	--- Loại khác	3
8529			Các bộ phận chuyên dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị thuộc nhóm 85.25 đến 85.28	
8529	10		- Anten và bộ phản xạ của anten; các bộ phận sử dụng kèm:	
8529	10	10	-- Anten các loại sử dụng với các máy điện thoại vô tuyến, điện báo vô tuyến [ITA1/A-052]; bộ phận của thiết bị cảnh báo bằng nhấn tin [ITA1/B-197]	10
8529	10	20	-- Chảo phản xạ của anten Parabol sử dụng cho hệ phát trực tiếp đa phương tiện (Multi Media) và các bộ phận kèm theo	10
8529	10	30	-- Anten vệ tinh, anten lưỡng cực và các loại Anten roi (rabbit antennae) sử dụng cho máy thu hình hoặc máy thu thanh	20
8529	10	40	-- Bộ lọc và bộ tách tín hiệu anten [ITA/2]	10
			-- Những bộ phận lắp ráp trên PCB và/ hoặc trong các vỏ máy/ bộ phận của vỏ máy:	
8529	10	51	--- Loại sử dụng cho máy thu, truyền dẫn dùng trong điện thoại, điện báo vô tuyến, phát thanh hoặc truyền hình	10
8529	10	59	--- Loại khác	10
8529	10	60	-- Ống dẫn sóng (loa hoặc phễu tiếp sóng)	10
			-- Loại khác:	
8529	10	91	--- Loại dùng cho điện thoại, điện báo vô tuyến	10
8529	10	92	--- Dùng cho máy truyền dẫn sử dụng trong phát thanh, truyền hình	10
8529	10	99	--- Loại khác	10
8529	90		- Loại khác:	
			-- Các bộ phận kể cả tấm mạch in đã lắp ráp của các loại sau: máy truyền dẫn trừ máy truyền thanh và truyền hình; camera số quay hình ảnh nền; máy thu xách tay dùng để gọi, báo hiệu [ITA1/A-053], máy cảnh báo bằng tin nhắn, kể cả máy nhấn tin [ITA1/B-197]	
8529	90	11	--- Dùng cho điện thoại di động	5
8529	90	12	--- Loại khác	0

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8529	90	20	- - Dùng cho bộ giải mã, trừ loại thuộc mã số 8529.90.11 và 8529.90.12	0
			- - Tấm mạch in, đã lắp ráp, trừ các loại thuộc mã số 8529.90.11 và 8529.90.12:	
8529	90	31	- - - Dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8527.13, 8527.19, 8527.21, 8527.29, 8527.31, 8527.39 hoặc 8527.90 (loại chỉ dùng cho điện thoại, điện báo vô tuyến)	10
8529	90	32	- - - Dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8525.10 hoặc 8525.20 (không bao gồm loại dùng cho điện thoại, điện báo vô tuyến)	0
8529	90	33	- - - <i>Dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8527.13, 8527.19, 8527.21, 8527.29, 8527.31, 8527.39 hoặc 8527.90 (trừ loại dùng cho điện thoại, điện báo vô tuyến)</i>	3
8529	90	34	- - - Dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 8526	0
8529	90	35	- - - <i>Dùng cho hàng hoá thuộc nhóm 8528</i>	3
8529	90	36	- - - Dùng cho hàng hoá thuộc phân nhóm 8525.30	0
8529	90	37	- - - <i>Dùng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 8527.12 hoặc 8527.32</i>	3
8529	90	39	- - - <i>Loại khác</i>	3
			- - Loại khác:	
8529	90	91	- - - <i>Dùng trong truyền hình</i>	3
8529	90	92	- - - Chỉ dùng cho điện thoại vô tuyến, điện báo vô tuyến	10
8529	90	93	- - - <i>Loại khác, dùng cho hàng hoá thuộc nhóm 85.28</i>	3
8529	90	99	- - - <i>Loại khác</i>	3
8532			Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước)	
8532	10	00	- Tụ điện cố định được thiết kế dùng trong mạch có tần số 50/60Hz và có nguồn cảm ứng với công suất vận hành không dưới 0,5 kvar (tụ nguồn)	3
			- Tụ điện cố định khác [ITA1/A-056] :	
8532	21	00	- - Tụ tantan (tantalium) [ITA1/A-057]	7
8532	22	00	- - Tụ nhôm [ITA/A-058]	7
8532	23	00	- - Tụ gốm, một lớp [ITA/A-059]	0
8532	24	00	- - Tụ gốm, nhiều lớp [ITA/A-060]	0
8532	25	00	- - Tụ giấy hay plastic [ITA/A-061]	3

V

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8532	29	00	-- Loại khác [ITA/A-062]	3
8532	30	00	- Tự điện biến đổi hay tự điện điều chỉnh được (theo mức định trước) [ITA/A-063]	3
8532	90		- Các bộ phận [ITA/A-064]:	
8532	90	10	-- Dùng cho tự điện có công suất từ 500kVA trở lên	3
8532	90	90	-- Loại khác	3
8533			Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp) trừ điện trở nung nóng	
8533	10		- Điện trở than cố định, dạng kết hợp hay dạng màng [ITA1/A-065]:	
8533	10	10	-- Bức bề mặt (khuyến tán)	3
8533	10	90	-- Loại khác	3
			- Điện trở cố định khác :	
8533	21	00	-- Có công suất không quá 20W [ITA1/A- 066]	3
8533	29	00	-- Loại khác	3
			- Điện trở biến đổi bằng dây ngắt, kể cả biến trở và chiết áp :	
8533	31	00	-- Có công suất không quá 20W [ITA1/A-068]	3
8533	39	00	-- Loại khác [ITA1/A-069]	3
8533	40	00	- Điện trở biến đổi khác, kể cả biến trở và chiết áp [ITA1/A-070]	3
8533	90	00	- Các bộ phận [ITA1/A-072]	3
8540			Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, catot lạnh hoặc catot quang điện (ví dụ : đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi nước, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia âm cực, ống điện tử camera truyền	
			- ống đèn hình vô tuyến dùng tia âm cực, kể cả ống đèn hình của màn hình video dùng tia âm cực:	
8540	11		-- Loại màu:	
8540	11	10	--- Màn hình phẳng	5*
8540	11	90	--- Loại khác	15
8540	12	00	-- Loại đèn trắng hay đơn sắc khác	10
8540	20		- ống camera truyền hình; bộ đổi hình và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn catot quang điện khác:	
8540	20	10	-- Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	10

✓

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8540	20	90	- - Loại khác	10
8540	40		- ống hiển thị số liệu/đồ họa loại màu, với điểm lân quang có bước nhỏ hơn 0,4mm [ITA1/B-195]:	
8540	40	10	- - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	40	90	- - Loại khác	0
8540	50		- Ống hiển thị số liệu/đồ họa, loại đen trắng hoặc đơn sắc khác:	
8540	50	10	- - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	50	90	- - Loại khác	0
8540	60	00	- ống đèn tia âm cực khác	0
			- Ống đèn sóng cực ngắn (ví dụ : magnetrons, klystrons, ống đèn sóng lan truyền, carcinotrons), trừ ống đèn điều khiển lưới :	
8540	71		- - Magnetron:	
8540	71	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	71	90	- - - Loại khác	0
8540	72		- - Klystrons:	
8540	72	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	72	90	- - - Loại khác	0
8540	79		- - Loại khác:	
8540	79	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	79	90	- - - Loại khác	0
			- Đèn điện tử và ống điện tử khác :	
8540	81		- - Đèn điện tử và ống điện tử của máy thu hay máy khuếch đại:	
8540	81	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	81	90	- - - Loại khác	0
8540	89		- - Loại khác:	
8540	89	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	89	90	- - - Loại khác	0
			- Phụ tùng:	
8540	91		- - Cửa ống đèn tia âm cực:	
8540	91	10	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	91	20	- - - Cuộn lái tia và cuộn biến áp	10*
8540	91	90	- - - Loại khác	0
8540	99		- - Loại khác:	

Mã hàng			Mô tả mặt hàng	Thuế suất (%)
8540	99	10	- - - Cửa ống điện tử vi sóng	0
8540	99	20	- - - Sử dụng với hàng hoá thuộc nhóm 85.25	0
8540	99	90	- - - Loại khác	0

✓

PHỤ LỤC II

**DANH MỤC SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT CỦA MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG
PHỤ TÙNG, LINH KIỆN ĐIỆN TỬ TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
(BIỂU SỐ II)**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2006/QĐ-BTC ngày 8/2/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

STT	Mô tả hàng hoá	Thuộc mã hàng	Thuế suất %)
1	Ống đèn hình vô tuyến dùng tia âm cực, kể cả ống đèn hình của màn hình video dùng tia âm cực, loại 21"	8540.11.10	10
2	Cuộn biến áp	8540.91.20	3

Vs